

QUYẾT ĐỊNH

**V/v công nhận kết quả tuyển dụng viên chức giáo viên, nhân viên
ngành giáo dục và Đào tạo, năm học 2022-2023**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG HINH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 quy định về
tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;*

*Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ Nội
vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng
ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội
quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc
xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;*

*Căn cứ Quyết định số 11/2014/QĐ-UBND, ngày 21 tháng 4 năm 2014 của
UBND tỉnh Phú Yên ban hành Quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên
chế, tiền lương cán bộ, công chức, viên chức cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp
công lập, cán bộ, công chức cấp xã và các chức danh lãnh đạo quản lý doanh
nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên;*

*Căn cứ Kế hoạch số 181/KH-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2022 của UBND
huyện Sông Hinh về việc xét tuyển viên chức giáo viên, nhân viên ngành giáo dục và
Đào tạo huyện Sông Hinh năm học 2022-2023;*

*Căn cứ Báo cáo số 08 /BC-HĐXT ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Hội đồng
xét tuyển viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo năm học 2022-2023;*

*Xét đề nghị của Hội đồng xét tuyển viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo
năm học 2022-2023 tại Tờ trình số 03 /TTr-HĐXT ngày 10 tháng 01 năm 2023 và
Phòng Nội vụ huyện.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả tuyển dụng viên chức giáo viên, nhân viên ngành
Giáo dục và Đào tạo huyện Sông Hinh năm học 2022-2023 (Có danh sách kèm
theo)

Điều 2. Hội đồng xét tuyển viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Sông
Hinh năm học 2022-2023 có trách nhiệm thông báo công khai kết quả tuyển dụng;
gửi thông báo công nhận kết quả tuyển dụng bằng văn bản đến người dự tuyển theo

địa chỉ đăng ký; hướng dẫn người trúng tuyển hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Nội vụ huyện, Hội đồng xét tuyển viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo năm học 2022-2023, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các thí sinh có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Nội vụ tỉnh (b/c)
- TT Huyện ủy (b/c)
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Hội đồng xét tuyển;
- Chánh văn phòng UBND&HĐND;
- Phòng Nội vụ; GĐĐT;
- Lưu: VT, NV.



CHỦ TỊCH

Đinh Ngọc Dạn

LÝ BAN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG HÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**DANH SÁCH CÔNG NHẬN KẾT QUẢ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN
NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2022-2023**
(Kèm theo Quyết định số 266/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2023 của UBND huyện Sông Hình)

VỊ TRÍ XÉT TUYỂN: NHÂN VIÊN VĂN THƯ; NHÂN VIÊN THƯ VIỆN

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Vị trí xét tuyển	Đổi tượng ưu tiên	Điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ vì phạm nội quy	Tổng điểm	Kết quả xét tuyển
			Nam	Nữ								
1	NHÂN VIÊN VĂN THƯ		0	13	13	13	3	13	3	0	13	13
1	VT01	TÔN THỊ MỸ CHI			22/8/1990	Sông Hình-Phú Yên	Nhân viên Văn thư				44,5	Không trúng tuyển
2	VT02	HỒ ĐÀ			30/8/1991	Sông Hình-Phú Yên	Nhân viên Văn thư	Dân tộc thiểu số	5.0		25,0	Không trúng tuyển
3	VT03	TRẦN THỊ THU HÀNG			01/9/1995	Sông Hình-Phú Yên	Nhân viên Văn thư				23,5	Không trúng tuyển
4	VT04	PHẠM THỊ HIỆP			07/5/1989	Son Hoà-Phú Yên	Nhân viên Văn thư				27,2	Không trúng tuyển
5	VT05	TRẦN THỊ MỸ LINH			20/10/1992	Sông Hình-Phú Yên	Nhân viên Văn thư				10,8	Không trúng tuyển
6	VT06	HỒ MAI			25/10/1987	Sông Hình-Phú Yên	Nhân viên Văn thư	Dân tộc thiểu số	5.0		17,5	Không trúng tuyển
7	VT07	NGUYỄN THỊ KIM OANH			13/10/1994	Sông Hình-Phú Yên	Nhân viên Văn thư				25,0	Không trúng tuyển



STT	SBD	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Vị trí xét tuyển	Đổi tượng ưu tiên	Điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ vì phạm nội quy	Tổng điểm	Kết quả xét tuyển
			Nam	Nữ								
6	TV06	NGÔ THỊ TRÚC LY		20/11/1982	Sông Hình-Phú Yên	Nhân viên Thư viện		28.0			28,0	Không trúng tuyển
7	TV07	BÙI THỊ MAI		12/11/1991	Sông Hình-Phú Yên	Nhân viên Thư viện		14.8			14,8	Không trúng tuyển
8	TV08	HÀ THỊ MỸ		15/02/1982	Sông Hình-Phú Yên	Nhân viên Thư viện		25.5			25,5	Không trúng tuyển
9	TV09	PHAN VŨ THIÊN	23/3/1994		Sông Hình-Phú Yên	Nhân viên Thư viện		50.0			50,0	Trúng tuyển
10	TV10	TÔN NỮ HỒNG TRẦN		16/10/1977	Sông Hình-Phú Yên	Nhân viên Thư viện		21.0			21,0	Không trúng tuyển
11	TV11	SÔ HUYN TRANG		20/5/1988	Sơn Hoà-Phú Yên	Nhân viên Thư viện	Dân tộc thiểu số	36.5	5.0		41,5	Không trúng tuyển
12	TV12	NGUYỄN THỊ KIM VÂN		24/4/1972	Phú Hoà-Phú Yên	Nhân viên Thư viện		Vắng				Không trúng tuyển
13	TV13	NAY H' YUK		11/10/1990	Krông Pa-Gia Lai	Nhân viên Thư viện	Dân tộc thiểu số	59.8	5.0		64,8	Trúng tuyển



Handwritten signature in blue ink.

LÝ BAN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG HÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



DANH SÁCH CÔNG NHẬN KẾT QUẢ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN,
NHÂN VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2022-2023
(Kèm theo Quyết định số 266/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2023 của UBND huyện Sông Hình)

VỊ TRÍ XÉT TUYỂN: GIÁO VIÊN MẦM NON

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Vị trí xét tuyển	Đổi tương đương ưu tiên	Điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ vì phạm nội quy	Tổng điểm	Kết quả xét tuyển
			Nam	Nữ								
1	MN01	HỒ BỐC		13/10/1991	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên mầm non	Dân tộc thiểu số	25.1	5.0		30,1	Không trúng tuyển
2	MN02	LÀ Ô HỒ BUN		12/12/1994	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên mầm non	Dân tộc thiểu số	75.8	5.0		80,8	Không trúng tuyển
3	MN03	PHẠM THỊ THUỶ CHI		27/10/1999	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên mầm non		89.9			89,9	Trúng tuyển
4	MN04	LÀ THỊ THU DIỄM		16/3/1996	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên mầm non	Dân tộc thiểu số	67.8	5.0		72,8	Không trúng tuyển
5	MN05	LÊ THỊ MỸ DUNG		25/12/1995	Đồng Hòa-Phú Yên	Giáo viên mầm non		50.5			50,5	Không trúng tuyển
6	MN06	NGUYỄN THỊ KIM DUNG		26/11/2000	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên mầm non		Vắng			Vắng	Không trúng tuyển
7	MN07	TRẦN THỊ MỸ DUYỀN		22/4/1997	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên mầm non	Còn thương binh	53.7	5.0		58,7	Không trúng tuyển
8	MN08	NGUYỄN THỊ HẠNH		02/6/1994	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên mầm non		82.8			82,8	Trúng tuyển
9	MN09	NGUYỄN THỊ THU HOA		10/12/1986	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên mầm non		30.5			30,5	Không trúng tuyển



STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Vị trí xét tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ vi phạm nội quy	Tổng điểm	Kết quả xét tuyển
			Nam	Nữ								
10	MN10	TRẦN THỊ KIÊM HƯƠNG		17/5/1985	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên mầm non		58.8			58.8	Không trúng tuyển
11	MN11	NAY HỒ HƯƠNG		16/4/1993	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên mầm non	Dân tộc thiểu số	60.9	5.0		65.9	Không trúng tuyển
12	MN12	PHAN THỊ THANH HƯƠNG		15/02/1990	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên mầm non		82.7			82.7	Trúng tuyển
13	MN13	DƯƠNG HUỆ KHANH		10/02/1994	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên mầm non		68.2			68.2	Không trúng tuyển
14	MN14	H YOAN KSOR		02/02/1992	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên mầm non	Dân tộc thiểu số	54.3	5.0		59.3	Không trúng tuyển
15	MN15	PHẠM THỊ LÃNH		30/3/1994	Tây Hoà- Phú Yên	Giáo viên mầm non	Con thương binh	54.4	5.0		59.4	Không trúng tuyển
16	MN16	KPẢ LINH		24/3/1988	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên mầm non	Dân tộc thiểu số	76.8	5.0		81.8	Trúng tuyển
17	MN17	LÊ THỊ MỸ LINH		20/5/1997	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên mầm non		77.0			77.0	Không trúng tuyển
18	MN18	PHAN THỊ ANH LY		16/9/2000	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên mầm non		78.2			78.2	Không trúng tuyển
19	MN19	CAO THỊ TRÚC LY		12/01/2000	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên mầm non		79.9			79.9	Không trúng tuyển
20	MN20	VŨ THỊ TRÚC LY		02/5/1993	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên mầm non		62.0			62.0	Không trúng tuyển
21	MN21	BÙI THỊ TRÚC LY		01/11/1991	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên mầm non	Dân tộc thiểu số	68.4			68.4	Không trúng tuyển
22	MN22	HỒ MAI		10/12/1992	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên mầm non	Dân tộc thiểu số	83.2	5.0		88.2	Trúng tuyển
23	MN23	NIÊ HỒ NÁP		10/06/1993	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên mầm non	Dân tộc thiểu số	89.2	5.0		94.2	Trúng tuyển
24	MN24	TRIỆU THỊ NGÂN		12/10/1989	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên mầm non	Dân tộc thiểu số	45.2	5.0		50.2	Không trúng tuyển



STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Vị trí xét tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ vi phạm nội quy	Tổng điểm	Kết quả xét tuyển
			Nam	Nữ								
25	MN25	HUYỀN THÁI NGÂN		27/12/1998	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên mầm non		30.3			30,3	Không trúng tuyển
26	MN26	KSOR HỒ NGHĨA		12/10/1992	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên mầm non		Vắng			Vắng	Không trúng tuyển
27	MN27	LƯƠNG THỊ NGỌC		07/3/1991	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên mầm non		40.5			40,5	Không trúng tuyển
28	MN28	TRỊNH TRẦN NHẬT NGUYỄN		24/3/1996	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên mầm non		76.0			76,0	Không trúng tuyển
29	MN29	NIÊ HỒ NHA		10/3/1993	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên mầm non	Dân tộc thiểu số	68.3	5.0		73.3	Không trúng tuyển
30	MN30	HỒ NHON		15/11/1993	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên mầm non	Dân tộc thiểu số	50.9	5.0		55,9	Không trúng tuyển
31	MN31	HỒ NHUN		05/02/1992	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên mầm non	Dân tộc thiểu số	76.0	5.0		81,0	Không trúng tuyển
32	MN32	VÕ THỊ TUYẾT NHUNG		10/8/1988	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên mầm non		82.3			82,3	Trúng tuyển
33	MN33	CHÂU THỊ MỸ NHUNG		05/4/1997	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên mầm non		92.0			92,0	Trúng tuyển
34	MN34	HUYỀN THỊ MỸ NƯÔNG		05/9/1988	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên mầm non		84.3			84,3	Trúng tuyển
35	MN35	KSOR HỒ RIN		30/4/1995	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên mầm non	Dân tộc thiểu số	80.4	5.0		85,4	Trúng tuyển
36	MN36	NGUYỄN THỊ TÂM		26/4/1997	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên mầm non		66.5			66,5	Không trúng tuyển
37	MN37	ĐINH THANH THANH		08/06/1997	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên mầm non		77.0			77,0	Không trúng tuyển
38	MN38	LÊ MÔ HỒ THANH		06/7/1999	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên mầm non	Dân tộc thiểu số	74.2	5.0		79,2	Không trúng tuyển
39	MN39	K P Á AI THI		06/7/1999	Sơn Hoà -Phú Yên	Giáo viên mầm non	Dân tộc thiểu số	84.8	5.0		89,8	Trúng tuyển



STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Vị trí xét tuyển	Đổi tương đương ưu tiên	Điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ vì phạm nội quy	Tổng điểm	Kết quả xét tuyển
			Nam	Nữ								
40	MN40	KSQR THƯỜNG		03/5/1993	Sông Hình-Phủ Yên	Giáo viên mầm non	Dân tộc thiểu số	74.0	5.0		79.0	Không trúng tuyển
41	MN41	NAY HỒ TRINH		14/6/1995	Sông Hình-Phủ Yên	Giáo viên mầm non	Dân tộc thiểu số	45.5	5.0		50.5	Không trúng tuyển
42	MN42	DƯƠNG THỊ HỒNG VÂN		10/8/1996	Sông Hình-Phủ Yên	Giáo viên mầm non		66.2			66.2	Không trúng tuyển
43	MN43	THÁI THỊ YẾN		20/3/1996	Sông Hình-Phủ Yên	Giáo viên mầm non		84.8			84.8	Trúng tuyển
TỔNG CỘNG			0	43	43	43	19	43	19	0	43	43



 BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG HÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN KẾT QUẢ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN
NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2022-2023**

(Kèm theo Quyết định số 246 /QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2023 của UBND huyện Sông Hình)

VỊ TRÍ XÉT TUYỂN: GIÁO VIÊN TIỂU HỌC

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Vị trí xét tuyển	Đổi tương đương ưu tiên	Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ vì phạm nội quy	Tổng điểm	Kết quả xét tuyển
			Nam	Nữ								
1	GIÁO VIÊN TIỂU HỌC DẠY CÁC MÔN		1	18	19	19	6	19	6	0	19	19
1	TH01	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH		02/4/1998	Sông Hình-Phủ Yên	Giáo viên Tiểu học dạy các môn		52.4			52.4	Không trúng tuyển
2	TH02	NGUYỄN THỊ THUÝ DIỄM		15/4/1995	Sông Hình-Phủ Yên	Giáo viên Tiểu học dạy các môn		68.3			68.3	Trúng tuyển
3	TH03	NINH THỊ DUNG		08/03/1995	Sông Hình-Phủ Yên	Giáo viên Tiểu học dạy các môn		72.8			72.8	Trúng tuyển
4	TH04	TRẦN THU HÀ		13/4/1992	Sông Hình-Phủ Yên	Giáo viên Tiểu học dạy các môn	Dân tộc thiểu số	66.2	5.0		71.2	Trúng tuyển
5	TH05	CAO THỊ THANH HÀ		13/12/1995	Sông Hình-Phủ Yên	Giáo viên Tiểu học dạy các môn		80.0			80.0	Trúng tuyển
6	TH06	NGUYỄN HỮU HÀN	15/01/1981		Sông Hình-Phủ Yên	Giáo viên Tiểu học dạy các môn		55.2			55.2	Không trúng tuyển
7	TH07	VÕ THỊ THANH HIỀN		10/3/1987	Sông Hình-Phủ Yên	Giáo viên Tiểu học dạy các môn		64.6			64.6	Trúng tuyển
8	TH08	HOÀNG THANH HOA		06/4/1994	Sông Hình-Phủ Yên	Giáo viên Tiểu học dạy các môn	Dân tộc thiểu số	44.0	5.0		49.0	Không trúng tuyển

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Vị trí xét tuyển	Đổi tương đương ưu tiên	Điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ vì phạm nội quy	Tổng điểm	Kết quả xét tuyển
			Nam	Nữ								
9	TH09	NGUYỄN LÊ TRÚC LAM		10/12/1999	Đông Hoà - Phú Yên	Giáo viên Tiểu học dạy các môn		66.7			66,7	Trúng tuyển
10	TH10	LÊ Ô HỒ NHA		08/3/1997	Sông Hình- Phú Yên	Giáo viên Tiểu học dạy các môn	Dàn tộc thiểu số	64.5	5.0		69,5	Trúng tuyển
11	TH11	HUYỀN HỒ NHÂM		10/02/1995	Sông Hình- Phú Yên	Giáo viên Tiểu học dạy các môn	Dàn tộc thiểu số	42.4	5.0		47,4	Không trúng tuyển
12	TH12	TRẦN THỊ HUỖNH NHƯ		02/01/2000	Sông Hình- Phú Yên	Giáo viên Tiểu học dạy các môn		84.5			84,5	Trúng tuyển
13	TH13	NAY HỒ QUÝ		15/9/1994	Sông Hình- Phú Yên	Giáo viên Tiểu học dạy các môn	Dàn tộc thiểu số	42.3	5.0		47,3	Không trúng tuyển
14	TH14	NGUYỄN THỊ THU QUYÊN		19/6/1995	Sông Hình- Phú Yên	Giáo viên Tiểu học dạy các môn		65.7			65,7	Trúng tuyển
15	TH15	NGUYỄN NGỌC MINH THƯ		25/11/1997	Sông Hình- Phú Yên	Giáo viên Tiểu học dạy các môn		74.5			74,5	Trúng tuyển
16	TH16	TRẦN THỊ LÊ THUY		05/12/1993	Sông Hình- Phú Yên	Giáo viên Tiểu học dạy các môn		58.3			58,3	Không trúng tuyển
17	TH17	NGUYỄN THỊ THUY TIỀN		21/10/1999	Sông Hình- Phú Yên	Giáo viên Tiểu học dạy các môn		69.4			69,4	Trúng tuyển
18	TH18	PHAN THỊ TÚ		20/7/1997	Sông Hình- Phú Yên	Giáo viên Tiểu học dạy các môn		58.0			58,0	Không trúng tuyển
19	TH19	ĐẶNG THỊ VÂN		01/01/1994	Sông Hình- Phú Yên	Giáo viên Tiểu học dạy các môn	Dàn tộc thiểu số	63.5	5.0		68,5	Trúng tuyển
II	GIÁO VIÊN TIỂU HỌC DẠY TIN HỌC		1	3	4	4	1	4	1	0	4	4
20	TTTH01	VŨ CÔNG HUÂN	04/01/1993		Đức Cơ- Gia Lai	Giáo viên Tiểu học dạy Tin học		69.0			69,0	Trúng tuyển
21	TTTH02	ĐÀO THỊ NUÔNG		30/12/1987	Sông Hình- Phú Yên	Giáo viên Tiểu học dạy Tin học		74.5			74,5	Trúng tuyển



144

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Vị trí xét tuyển	Đổi tương ưu tiên	Điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ vì phạm nội quy	Tổng điểm	Kết quả xét tuyển
			Nam	Nữ								
22	TITH03	NGUYỄN THỊ TÂM		15/4/1984	Sông Hình-Phủ Yên	Giáo viên Tiểu học dạy Tin học	Con thương binh	72.0	5.0		77.0	Trúng tuyển
23	TITH04	NGUYỄN THỊ KIM THOA		16/01/1989	Sơn Hoà-Phủ Yên	Giáo viên Tiểu học dạy Tin học		36.0			36.0	Không trúng tuyển



ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG HINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN KẾT QUẢ XÉT TUYỂN VIỆN CHỨC GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN
NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2022-2023**

(Kèm theo Quyết định số 26 /QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2023 của UBND huyện Sông Hinh)

VỊ TRÍ XÉT TUYỂN: GIÁO VIÊN THCS

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Vị trí xét tuyển	Đổi tương ưu tiên	Điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ vi phạm nội quy	Tổng điểm	Kết quả xét tuyển
			Nam	Nữ								
1	GIÁO VIÊN THCS DẠY MÔN TOÁN		5	4	9	9	0	9	0	0	9	9
1	T01	NGUYỄN ĐÌNH HÙNG	17/3/1993		Sông Hinh- Phú Yên	Giáo viên THCS dạy Toán		68.0			68.0	Không trúng tuyển
2	T02	HÀ THỊ HƯỜNG		20/7/1996	Sông Hinh- Phú Yên	Giáo viên THCS dạy Toán		57.5			57.5	Không trúng tuyển
3	T03	PHẠM ĐO KHẮC	07/9/1994		Sông Hinh- Phú Yên	Giáo viên THCS dạy Toán		64.5			64.5	Không trúng tuyển
4	T04	LÊ HỮU NHẬT LINH	15/10/1994		Sông Hinh- Phú Yên	Giáo viên THCS dạy Toán		67.0			67.0	Không trúng tuyển
5	T05	PHẠM THỊ YẾN LINH		21/5/1995	Sông Hinh- Phú Yên	Giáo viên THCS dạy Toán		59.5			59.5	Không trúng tuyển
6	T06	LÊ HUYỀN HẢI MỸ		05/12/1995	Đồng Xuân- Phú Yên	Giáo viên THCS dạy Toán		76.5			76.5	Trúng tuyển
7	T07	NGUYỄN QUANG NHẬT	30/01/1990		Sông Hinh- Phú Yên	Giáo viên THCS dạy Toán		70.5			70.5	Trúng tuyển
8	T08	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG		28/02/1994	Sông Hinh- Phú Yên	Giáo viên THCS dạy Toán		69.0			69.0	Không trúng tuyển
9	T09	LÊ NGỌC THIÊN	24/12/1994		Sông Hinh- Phú Yên	Giáo viên THCS dạy Toán		77.0			77.0	Trúng tuyển

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Vị trí xét tuyển	Đổi tương ưu tiên	Điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ vì phạm nội quy	Tổng điểm	Kết quả xét tuyển
			Nam	Nữ								
II	GIÁO VIÊN THCS DẠY MÔN NGỮ VĂN											
	2	7	9	9			9	3	0	7		
1	NV01	HỒ BLOI		02/9/1988	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên THCS dạy Ngữ văn	Dân tộc thiểu số	50.3	5.0		55.3	Không trúng tuyển
2	NV02	HUỲNH THỊ NGỌC HẠNH		20/02/1993	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên THCS dạy Ngữ văn		89.5			89.5	Trúng tuyển
3	NV03	HUỲNH THỊ HỒNG LÝ		30/12/1990	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên THCS dạy Ngữ văn		Vắng				Không trúng tuyển
4	NV04	PHAN NGỌC NHANH	21/7/1987		Sơn Hoà-Phú Yên	Giáo viên THCS dạy Ngữ văn		67.3			67.3	Không trúng tuyển
5	NV05	KPÁ HỒ NHUNG		06/12/1991	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên THCS dạy Ngữ văn		Vắng				Không trúng tuyển
6	NV06	VŨ THỊ OANH OANH		22/5/1991	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên THCS dạy Ngữ văn	Con thương binh	79.0	5.0		84.0	Không trúng tuyển
7	NV07	Y TÁ	27/12/1988		Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên THCS dạy Ngữ văn	Dân tộc thiểu số	56.5	5.0		61.5	Không trúng tuyển
8	NV08	ĐOÀN THỊ THANH THUY		12/7/1987	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên THCS dạy Ngữ văn		87.5			87.5	Không trúng tuyển
9	NV09	PHAN THỊ THUY TRÂM		06/7/1993	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên THCS dạy Ngữ văn		70.5			70.5	Không trúng tuyển
III	GIÁO VIÊN THCS DẠY MÔN VẬT LÝ											
	0	2	2	2			0	2	0	0	2	2
1	VL01	VŨ THỊ KIM HÀNG		25/10/1999	Đồng Xuân-Phú Yên	Giáo viên THCS dạy Vật lý		61.5			61.5	Trúng tuyển

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Vị trí xét tuyển	Đổi tượng ưu tiên	Điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ vi phạm nội quy	Tổng điểm	Kết quả xét tuyển
			Nam	Nữ								
2	VL02	NGUYỄN ĐÀO THẢO PHƯƠNG		20/8/1998	Sông Hình-Phủ Yên	Giáo viên THCS dạy Vật lý		59,5			59,5	Không trúng tuyển
IV	GIÁO VIÊN THCS DẠY MÔN HOÁ HỌC		1	8	9	9	4	9	4	0	7	9
1	H01	LÊ THỊ ANH		22/7/1995	Sông Hình-Phủ Yên	Giáo viên THCS dạy Hoá học		Vắng				Không trúng tuyển
2	H02	HỒ BAY		26/08/1988	Sông Hình-Phủ Yên	Giáo viên THCS dạy Hoá học	Dân tộc thiểu số	34,5	5,0		39,5	Không trúng tuyển
3	H03	RAH LAN BLÊN	15/6/1989		Krông Pa-Gia Lai	Giáo viên THCS dạy Hoá học	Dân tộc thiểu số	58,0	5,0		63,0	Không trúng tuyển
4	H04	LÃNG THỊ HƯỜNG		05/9/1989	Sông Hình-Phủ Yên	Giáo viên THCS dạy Hoá học	Dân tộc thiểu số	59,0	5,0		64,0	Trúng tuyển
5	H05	VÕ THỊ DIỆU LAN		03/05/1995	Tây Hoà -Phủ Yên	Giáo viên THCS dạy Hoá học		Vắng				Không trúng tuyển
6	H06	CAO THỊ THUY NGÂN		20/7/1988	Đồng Xuân-Phủ Yên	Giáo viên THCS dạy Hoá học		44,0			44,0	Không trúng tuyển
7	H07	ĐẶNG THỊ NỮ		16/12/1992	Sông Hình-Phủ Yên	Giáo viên THCS dạy Hoá học		75,5			75,5	Trúng tuyển
8	H08	ĐINH THỊ THU		03/4/1988	Sơn Hoà-Phủ Yên	Giáo viên THCS dạy Hoá học		52,5			52,5	Không trúng tuyển
9	H09	LƯƠNG THỊ VANH		17/6/1985	Sông Hình-Phủ Yên	Giáo viên THCS dạy Hoá học	Dân tộc thiểu số	46,0	5,0		51,0	Không trúng tuyển
V	GIÁO VIÊN THCS DẠY MÔN LỊCH SỬ		4	7	11	11	6	11	6	0	11	11
1	LS01	NÔNG THỊ BẠCH		14/8/1987	Sông Hình-Phủ Yên	Giáo viên THCS dạy Lịch sử	Dân tộc thiểu số	58,3	5,0		63,3	Không trúng tuyển

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Vị trí xét tuyển	Đổi tương đương ưu tiên	Điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ vì phạm nội quy	Tổng điểm	Kết quả xét tuyển
			Nam	Nữ								
2	LS02	TRIỆU VĂN BIÊN	18/01/1986		Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên THCS dạy Lịch sử	Dân tộc thiểu số	59,0	5,0		64,0	Không trúng tuyển
3	LS03	HỒ BÚP		27/7/1993	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên THCS dạy Lịch sử	Dân tộc thiểu số	39,0	5,0		44,0	Không trúng tuyển
4	LS04	NIÊ HỒ HỘI		18/4/1995	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên THCS dạy Lịch sử	Dân tộc thiểu số	40,8	5,0		45,8	Không trúng tuyển
5	LS05	NAY HỒ HỒN		12/12/1996	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên THCS dạy Lịch sử	Dân tộc thiểu số	67,5	5,0		72,5	Trúng tuyển
6	LS06	KSOR Y LỨC	17/8/1994		Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên THCS dạy Lịch sử	Dân tộc thiểu số	59,0	5,0		64,0	Không trúng tuyển
7	LS07	CAO NHƯ NGỌC	20/6/1992		Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên THCS dạy Lịch sử		52,8			52,8	Không trúng tuyển
8	LS08	NGUYỄN THỊ QUỲNH		23/7/1996	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên THCS dạy Lịch sử		56,5			56,5	Không trúng tuyển
9	LS09	NGUYỄN THỊ THANH SƯƠNG		20/5/1982	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên THCS dạy Lịch sử		58,0			58,0	Không trúng tuyển
10	LS10	ĐỖ TÂN TRUNG	19/8/1985		Đồng Hoà - Phú Yên	Giáo viên THCS dạy Lịch sử		32,8			32,8	Không trúng tuyển
11	LS11	ĐINH THỊ CẨM VI		10/7/1988	Sơn Hoà - Phú Yên	Giáo viên THCS dạy Lịch sử		45,0			45,0	Không trúng tuyển
VI	GIÁO VIÊN THCS DẠY MÔN ĐỊA LÝ		2	4	6	6	3	6	3	0	6	6
1	ĐL01	NGUYỄN THỊ KHUYẾN		08/8/1992	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên THCS dạy Địa lý	Dân tộc thiểu số	51,0	5,0		56,0	Không trúng tuyển
2	ĐL02	CAO THỊ HÀNG NGÀ		15/8/1993	Đồng Xuân-Phú Yên	Giáo viên THCS dạy Địa lý		56,0			56,0	Không trúng tuyển

144

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Vị trí xét tuyển	Đổi tuyển ưu tiên	Điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ vì phạm nội quy	Tổng điểm	Kết quả xét tuyển
			Nam	Nữ								
3	ĐL03	ĐẶNG THỊ NGỌC	SƯƠNG		28/10/1991	Sông Hình-Phú Yên Giáo viên THCS dạy Địa lý		60.0			60.0	Trúng tuyển
4	ĐL04	TRIỆU THỊ THIÊN		03/02/1982	Sông Hình-Phú Yên Giáo viên THCS dạy Địa lý	Dân tộc thiểu số	56.0	5.0			61.0	Trúng tuyển
5	ĐL05	HUỲNH TUẤN		10/10/1978	Phú Hoà-Phú Yên Giáo viên THCS dạy Địa lý		33.0				33.0	Không trúng tuyển
6	ĐL06	NAY Y XEM		03/04/1993	Son Hoà-Phú Yên Giáo viên THCS dạy Địa lý	Dân tộc thiểu số	4.0	5.0			9.0	Không trúng tuyển
VII GIAO VIÊN THCS DẠY MÔN THỂ DỤC			7	1	8	8	5	8	5	0	8	8
1	TD01	Y A		24/4/1989	Sông Hình-Phú Yên Giáo viên THCS dạy Thể dục	Dân tộc thiểu số	54.0	5.0			59.0	Không trúng tuyển
2	TD02	LƯƠNG CÔNG BẢO		09/7/1992	Sông Hình-Phú Yên Giáo viên THCS dạy Thể dục	Dân tộc thiểu số	53.5				53.5	Không trúng tuyển
3	TD03	KSOR Y BRỎI		17/5/1985	Sông Hình-Phú Yên Giáo viên THCS dạy Thể dục	Dân tộc thiểu số	50.0	5.0			55.0	Không trúng tuyển
4	TD04	A LÊ Y DƠM		15/7/1994	Sông Hình-Phú Yên Giáo viên THCS dạy Thể dục	Dân tộc thiểu số	55.0	5.0			60.0	Không trúng tuyển
5	TD05	NAY TRUNG NAM		25/01/1995	Sông Hình-Phú Yên Giáo viên THCS dạy Thể dục	Dân tộc thiểu số	2.5	5.0			7.5	Không trúng tuyển
6	TD06	TRẦN ĐỨC NHÂN		17/11/1983	Son Hoà-Phú Yên Giáo viên THCS dạy Thể dục		64.5				64.5	Trúng tuyển
7	TD07	LÊ Y SỰ		20/5/1995	Sông Hình-Phú Yên Giáo viên THCS dạy Thể dục	Dân tộc thiểu số	20.3	5.0			25.3	Không trúng tuyển
8	TD08	NGUYỄN THỊ YẾN		08/3/1995	Sông Hình-Phú Yên Giáo viên THCS dạy Thể dục		64.0				64.0	Không trúng tuyển
VIII GIAO VIÊN THCS DẠY GDCCD			1	1	2	2	1	2	1	0	2	2
1	CD01	NGUYỄN THỊ BĂNG TÂM		01/4/1989	Sông Hình-Phú Yên Giáo viên THCS dạy GDCCD		75.0				75.0	Trúng tuyển

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Vị trí xét tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ vi phạm nội quy	Tổng điểm	Kết quả xét tuyển	
			Nam	Nữ									
2	CD02	NAY Y	TIN	05/6/1994		Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên THCS dạy GD&CD	Dân tộc thiểu số	50.5	5.0		55.5	Không trúng tuyển
IX	GIÁO VIÊN THCS DẠY MÔN TIN HỌC			2	3	5	5	1	5	1	0	5	5
1	TI01	HÀ THỊ MỸ	LIÊN		20/7/1988	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên THCS dạy Tin học		79.5			79.5	Không trúng tuyển
2	TI02	ĐẶNG THỊ A	MIN		16/02/1988	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên THCS dạy Tin học		92.0			92.0	Trúng tuyển
3	TI03	LÊ THỊ MINH	NGA		16/5/1989	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên THCS dạy Tin học		83.0			83.0	Trúng tuyển
4	TI04	NAY Y	NHÂN	13/4/1988		Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên THCS dạy Tin học	Dân tộc thiểu số	85.5	5.0		90.5	Trúng tuyển
5	TI05	TRẦN NHẬT	TOÀN	09/03/1989		Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên THCS dạy Tin học		77.0			77.0	Không trúng tuyển


